

Số: 108 /KH-SYT

Kiên Giang, ngày 03 tháng 6 năm 2025

TRUNG TÂM Y TẾ GIANG THÀNH

KẾ HOẠCH

Số: 1047/HĐ về kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở
khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2025 - 2030
huyện:
mã hồ sơ số:

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Thực trạng công tác kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

Toàn tỉnh Kiên Giang có 24 cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (KBCB), trong đó có 06 bệnh viện tuyến tỉnh, 15 trung tâm y tế huyện, thành phố, 03 bệnh viện tư nhân. Tổng số giường bệnh: 7.047, trong đó: cơ sở công lập: 6.747 giường, cơ sở ngoài công lập: 300 giường.

Về tổ chức hệ thống kiểm soát nhiễm khuẩn (KSNK): tất cả các cơ sở KBCB đều có khoa hoặc tổ KSNK. Tuy nhiên, nhân lực về KSNK còn kiêm nhiệm, đa số chỉ được đào tạo cơ bản, chưa được đào tạo chuyên sâu.

Kinh phí, trang thiết bị và hóa chất phục vụ công tác KSNK chưa đầy đủ; cơ sở hạ tầng chưa hoàn thiện; buồng bệnh, buồng phẫu thuật, thủ thuật chưa đảm bảo quy chuẩn và xuống cấp; hệ thống nước sinh hoạt, bồn rửa tay tại các khoa lâm sàng còn thiếu. Đây là những khó khăn cho công tác KSNK trong các cơ sở KBCB.

Hiện nay, công tác KSNK trong các cơ sở KBCB chủ yếu tập trung vào các hoạt động vệ sinh bệnh viện như: quản lý chất thải; khử khuẩn, tiệt khuẩn dụng cụ và giặt ủi. Việc giám sát KSNK chưa được quan tâm đúng mức, cụ thể tiêu chí C4 trong Bộ Tiêu chí chất lượng bệnh viện năm 2023 đạt mức 2,79.

2. Cơ sở pháp lý

- Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023;
- Căn cứ Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm số 03/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007;
- Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;
- Căn cứ Thông tư số 16/2018/TT-BYT ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Bộ Y tế quy định về kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;
- Căn cứ Thông tư số 17/2019/TT-BYT ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn giám sát và đáp ứng với bệnh, bệnh dịch truyền nhiễm;
- Căn cứ Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế;

- Căn cứ Quyết định số 38/QĐ-BYT ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Bộ Y tế về việc phê duyệt “Kế hoạch hành động quốc gia về kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh giai đoạn 2025-2030”.

II. MỤC TIÊU, GIẢI PHÁP VÀ KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

1. Mục tiêu chung: Nâng cao năng lực KSNK trong các cơ sở KBCB trên địa bàn tỉnh, nhằm tăng cường chất lượng KBCB; bảo đảm an toàn cho người bệnh, nhân viên y tế (NVYT) và cộng đồng.

2. Mục tiêu cụ thể

- Củng cố, kiện toàn hệ thống tổ chức và nhân lực KSNK;
- Xây dựng, ban hành các quy định, quy trình kỹ thuật và tài liệu hướng dẫn về KSNK phù hợp với đặc điểm của cơ sở KBCB;
- Tăng cường các hoạt động chuyên môn KSNK trong các cơ sở KBCB, đặc biệt đẩy mạnh giám sát tuân thủ vệ sinh tay, tuân thủ các quy trình KSNK và giám sát nhiễm khuẩn bệnh viện;
- Đẩy mạnh truyền thông, đào tạo, nghiên cứu khoa học và hợp tác về KSNK;
- Đầu tư nguồn lực, cơ sở hạ tầng, phương tiện, trang thiết bị nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong công tác KSNK.

3. Chỉ tiêu phấn đấu

3.1. Tăng cường năng lực hệ thống quản lý và hoàn thiện chính sách về kiểm soát nhiễm khuẩn

a) Thiết lập khung chính sách và pháp lý về KSNK

- 90% cơ sở KBCB cấp cơ bản và cấp chuyên sâu xây dựng, ban hành Kế hoạch về KSNK của đơn vị phù hợp với Kế hoạch của Sở Y tế về KSNK dựa trên nguồn lực, thực trạng của đơn vị và tổng kết việc thực hiện Kế hoạch KSNK hằng năm.
- Đạt ít nhất 90% cơ sở KBCB ban hành, cập nhật hằng năm và triển khai hiệu quả các quy định, quy trình KSNK phù hợp với hướng dẫn quốc gia, quy mô và chuyên môn của cơ sở.
- Đạt ít nhất 90% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản, trên 70% cơ sở KBCB cấp ban đầu tổ chức thực hiện đánh giá chất lượng KSNK hằng năm.

b) Thiết lập, chuẩn hóa và nâng cao năng lực hoạt động quản lý điều hành về kiểm soát nhiễm khuẩn.

- Sở Y tế thành lập Hội đồng chuyên môn tư vấn công tác KSNK, có cán bộ chuyên trách công tác KSNK được đào tạo KSNK theo quy định.
- Đạt ít nhất 90% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản có hội đồng, mạng lưới, khoa/bộ phận KSNK hoạt động thường xuyên, hiệu quả.
- Đạt ít nhất 70% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản có bộ phận giám sát KSNK có đủ nhân lực được đào tạo và hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

c) Phối hợp liên ngành, huy động nguồn lực cho kiểm soát nhiễm khuẩn

- KSNK được tích hợp ít nhất vào các chương trình y tế như phòng chống kháng thuốc, an toàn người bệnh, phòng ngừa bệnh truyền nhiễm, phòng chống bệnh dịch, tiêm chủng và an ninh, an toàn sinh học.

- Đạt ít nhất 80% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản có quy định cụ thể, giao trách nhiệm rõ ràng và tổ chức thực hiện hiệu quả về phối hợp đa ngành trong phòng chống kháng thuốc, sử dụng kháng sinh và phòng ngừa các bệnh truyền nhiễm gây dịch.

- Đạt ít nhất 90% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản phê duyệt rõ kinh phí thường niên cho các hoạt động KSNK.

3.2. Nâng cao nhận thức và năng lực nhân viên y tế về kiểm soát nhiễm khuẩn

a) Nâng cao năng lực kiểm soát nhiễm khuẩn

- Vị trí chuyên trách KSNK (nhân viên chuyên trách KSNK tại Sở Y tế, lãnh đạo khoa/bộ phận KSNK, nhân viên chuyên trách giám sát, nhân viên chuyên trách khử khuẩn tiết khuẩn) và các thành viên hội đồng, mạng lưới KSNK được đào tạo về KSNK theo quy định.

- Đạt ít nhất 95% NVYT tại các cơ sở KBCB được đào tạo liên tục hằng năm về các quy định, quy trình KSNK cơ bản.

- Đạt 100% sinh viên thực tập tại các cơ sở KBCB được đào tạo về KSNK trước khi thực tập.

b) Nâng cao nhận thức về kiểm soát nhiễm khuẩn

- Đạt ít nhất 01 chiến dịch truyền thông về KSNK hằng năm của Sở Y tế.

- Đạt ít nhất 90% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản thực hiện chương trình truyền thông, giáo dục về phòng ngừa KSNK trên mọi phương tiện (trang web, poster, tờ rơi, ...) phù hợp với điều kiện và đặc điểm địa phương, vùng, miền, chuyên môn của cơ sở.

- Đạt ít nhất 80% trang web của cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản có chuyên mục cho KSNK, với nội dung được cập nhật hằng quý, mỗi năm xây dựng ít nhất một poster mới để tuyên truyền.

- Đạt ít nhất 95% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản phát động chiến dịch vệ sinh tay hằng năm để tuyên truyền về vai trò của vệ sinh tay trong chăm sóc và điều trị người bệnh.

3.3. Cải thiện cơ sở hạ tầng và thiết bị kiểm soát nhiễm khuẩn

- Đạt ít nhất 90% cơ sở KBCB có hệ thống cung cấp nước sạch đạt chuẩn.

- Đạt ít nhất 70% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản có đơn vị tiết khuẩn tập trung được trang bị đầy đủ máy móc, phương tiện, cơ sở dụng cụ cho khử khuẩn, tiết khuẩn dụng cụ tập trung đúng quy định.

- Đạt ít nhất 80% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản có đủ năng lực giám sát vi sinh vật kháng thuốc, có tổng kết và báo cáo vi sinh vật kháng thuốc hằng quý.

- Đạt ít nhất 70% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản thiết lập hệ thống thông khí đầy đủ (tự nhiên hoặc cơ học nếu cần) và định kỳ kiểm tra chất lượng thông khí.

- Đạt ít nhất 80% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản có ít nhất 01 phòng cách ly có đầy đủ cơ sở vật chất, thiết bị, quy định, quy trình và các điều kiện cần thiết để thực hiện cách ly người bệnh tạm thời tại mọi khoa lâm sàng.

- Đạt ít nhất 90% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản có khu lưu giữ chất thải đúng quy định.

- Đạt ít nhất 75% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản có hệ thống xử lý chất thải lỏng đạt quy chuẩn.

3.4. Giảm thiểu nguy cơ nhiễm khuẩn liên quan đến chăm sóc y tế

a) Thực hiện phòng ngừa chuẩn và phòng ngừa dựa theo đường lây truyền

- Đạt ít nhất 90% cơ sở KBCB thực hiện đầy đủ các nội dung về ban hành, đào tạo huấn luyện hằng năm và giám sát tuân thủ các quy định, quy trình phòng ngừa chuẩn.

- Đạt ít nhất 90% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản thực hiện phòng ngừa và cách ly người bệnh mắc vi khuẩn đa kháng và các bệnh truyền nhiễm gây dịch đúng quy định.

b) Vệ sinh tay và sử dụng phương tiện phòng hộ cá nhân

- Đạt ít nhất 80% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản triển khai chương trình vệ sinh tay hiệu quả bao gồm việc xây dựng chương trình, cung cấp thiết bị và hóa chất vệ sinh tay ở mọi khu vực khám bệnh, chữa bệnh, tổng kết và thông báo số lượng hóa chất vệ sinh tay sử dụng hằng quý, thực hiện giám sát và cải thiện tuân thủ vệ sinh tay của NVYT và người chăm sóc (bao gồm cả học viên và thân nhân người bệnh).

- Đạt ít nhất 90% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản thực hiện đầy đủ các nội dung về ban hành các quy định, quy trình, huấn luyện đào tạo hằng năm, trang bị phương tiện và giám sát tuân thủ sử dụng đúng các thiết bị bảo hộ cá nhân (PPE).

c) Các biện pháp thực hành phòng ngừa nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp

- Đạt ít nhất 70% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản thực hiện đầy đủ các nội dung về ban hành các quy định, quy trình, huấn luyện đào tạo hằng năm và giám sát tuân thủ thực hành phòng ngừa viêm phổi ở người bệnh có thông khí hỗ trợ.

- Đạt ít nhất 70% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản có thực hiện đặt đường truyền tĩnh mạch trung tâm thực hiện đầy đủ các nội dung về ban hành các quy định, quy trình, huấn luyện đào tạo hằng năm và giám sát tuân thủ thực hành phòng ngừa nhiễm khuẩn huyết liên quan đến đường truyền tĩnh mạch trung tâm.

- Đạt ít nhất 70% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản có thực hiện đặt thông tiêu thực hiện đầy đủ các nội dung về ban hành các quy định, quy trình, huấn luyện đào tạo hằng năm và giám sát tuân thủ thực hành phòng ngừa nhiễm khuẩn tiết niệu liên quan đến ống thông tiêu.

- Đạt ít nhất 80% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản có thực hiện phẫu thuật thực hiện đầy đủ các nội dung về ban hành các quy định, quy trình, huấn luyện đào tạo hằng năm và giám sát tuân thủ thực hành phòng ngừa nhiễm khuẩn vết mổ trong phẫu thuật.

- Đạt ít nhất 50% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản thực hiện đầy đủ các nội dung về ban hành các quy định, quy trình, huấn luyện đào tạo hằng năm, giám sát tuân thủ thực hành phòng ngừa vi khuẩn đa kháng thuốc.

d) Kiểm soát ô nhiễm môi trường bề mặt tại các khu vực nguy cơ cao

- Đạt ít nhất 80% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản thực hiện đầy đủ các nội dung về ban hành các quy định, quy trình, huấn luyện đào tạo và tuân thủ thực hành vệ sinh môi trường bề mặt tại các khu vực nguy cơ cao.

- Đạt ít nhất 90% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản tổ chức thực hiện vệ sinh, khử khuẩn các loại môi trường bề mặt; kiểm tra, giám sát chất lượng, hiệu quả vệ sinh, khử khuẩn môi trường bề mặt; báo cáo số lượng hóa chất dùng trong vệ sinh, khử khuẩn môi trường bề mặt hằng quý trong toàn bộ cơ sở.

đ) Khử khuẩn, tiệt khuẩn dụng cụ, đồ vải và chất thải y tế

- Đạt ít nhất 85% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản thực hiện đầy đủ các nội dung về ban hành các quy định, quy trình, huấn luyện đào tạo hằng năm và giám sát tuân thủ thực hành xử lý thiết bị, dụng cụ, đồ vải y tế sử dụng lại.

- Đạt ít nhất 80% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản thực hiện đầy đủ các nội dung về ban hành các quy định, quy trình, huấn luyện đào tạo hằng năm và giám sát tuân thủ thực hành xử lý, quản lý chất thải rắn và nước thải y tế.

e) Thực hiện các hoạt động cải tiến chất lượng kiểm soát nhiễm khuẩn

Đạt ít nhất 80% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản triển khai ít nhất một hoạt động cải tiến chất lượng về KSNK hằng năm ở cấp độ bộ phận hoặc cơ sở. Hoạt động cải tiến chất lượng về KSNK phải được phê duyệt, triển khai, nghiệm thu, đánh giá kết quả theo đúng quy định.

3.5. Tăng cường hệ thống giám sát, báo cáo nhiễm khuẩn bệnh viện và tình hình sử dụng kháng sinh

- Đạt ít nhất 60% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản có khoa hồi sức tích cực thực hiện giám sát liên tục và báo cáo dữ liệu giám sát đầy đủ về nhiễm khuẩn phổi, nhiễm khuẩn huyết, nhiễm khuẩn tiết niệu bệnh viện trên hệ thống báo cáo số liệu NKBV quốc gia.

- Đạt ít nhất 70% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản có phẫu thuật thực hiện giám sát và báo cáo dữ liệu đầy đủ về nhiễm khuẩn vết mổ trên hệ thống báo cáo số liệu NKBV quốc gia.

- Đạt ít nhất 70% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản có phẫu thuật thực hiện giám sát và báo cáo dữ liệu đầy đủ về tình hình sử dụng kháng sinh dự phòng ở người bệnh có phẫu thuật.

- Đạt ít nhất 80% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản có thực hiện giám sát và báo cáo dữ liệu đầy đủ về tình hình sử dụng kháng sinh ở người bệnh nội trú trên hệ thống báo cáo số liệu NKBV quốc gia.

- Đạt ít nhất 50% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản có thực hiện giám sát và báo cáo dữ liệu đầy đủ về tác nhân gây NKBV.

3.6. Tăng cường năng lực đáp ứng với bệnh dịch

- Đạt 100% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản xây dựng kế hoạch sẵn sàng đáp ứng với các bệnh dịch hằng năm, triển khai huấn luyện đào tạo và giám sát tuân thủ quy định, quy trình phòng và kiểm soát lây nhiễm các bệnh truyền nhiễm gây dịch hoặc bệnh gây dịch mới nổi, tái nổi cho NVYT.

- Đạt ít nhất 90% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản triển khai sàng lọc, phân luồng, phát hiện và cách ly người bệnh nhiễm hoặc nghi ngờ nhiễm các bệnh truyền nhiễm gây dịch hoặc bệnh gây dịch mới nổi, tái nổi theo đúng quy định.

3.7. Thúc đẩy nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế và ứng dụng công nghệ trong kiểm soát nhiễm khuẩn

- Đạt ít nhất 05 đề tài nghiên cứu về KSNK cấp Sở Khoa học và Công nghệ.

- Đạt ít nhất 50% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản thực hiện tối thiểu 01 đề tài nghiên cứu về KSNK hằng năm.

- Đạt ít nhất 80% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản ứng dụng công nghệ tiên tiến trong giám sát và phòng ngừa nhiễm khuẩn.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Nghiệp vụ Y

- Đầu mối xây dựng kế hoạch, kiểm tra giám sát việc thực hiện Thông tư số 16/2018/TT-BYT; Quyết định số 38/QĐ-BYT ngày 03/01/2025:

- Tham gia tập huấn KSNK theo Chương trình và tài liệu do Bộ Y tế ban hành. Xây dựng Kế hoạch tập huấn chuyên môn về KSNK cho các cơ sở KBCB trong tỉnh;

- Đánh giá tỷ lệ nhiễm khuẩn bệnh viện tại các cơ sở KBCB trên địa bàn;

- Tổng hợp kết quả thực hiện của các đơn vị, báo cáo lãnh đạo Sở Y tế và Cục Quản lý Khám chữa bệnh - Bộ Y tế.

2. Phòng Kế hoạch - Tài chính

Hướng dẫn các đơn vị bố trí kinh phí phục vụ công tác KSNK trong nguồn kinh phí được giao hàng năm và các nguồn kinh phí hợp pháp của đơn vị.

3. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật

- Thực hiện hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe về KSNK trên Báo, Đài truyền hình tại địa phương với hình thức và tần suất phù hợp;

- Sản xuất và đăng tải các tin, bài, clip, phóng sự, các nội dung chuyên đề, chuyên sâu trên Cổng thông tin điện tử Sở Y tế, Bản tin Sức khỏe của ngành, Trang thông tin điện tử tổng hợp của đơn vị nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, NVYT về các hoạt động KSNK.

- Tăng cường phối hợp với mạng lưới truyền thông giáo dục sức khỏe tuyến cơ sở đẩy mạnh việc hướng dẫn, truyền thông giáo dục vệ sinh tay cộng đồng.

4. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

- Xây dựng và ban hành Kế hoạch hành động về KSNK tại đơn vị trên cơ sở Kế hoạch hành động về KSNK của Sở Y tế phù hợp với nguồn lực và thực trạng của đơn vị để triển khai thực hiện.

- Kế hoạch được xây dựng hàng năm và cần quy định cụ thể trách nhiệm, phân công nhiệm vụ rõ ràng, phối hợp liên ngành và phân bổ chi tiết nguồn kinh phí cho KSNK và phòng chống bệnh dịch. Đây là cơ sở để tổ chức thực hiện, đánh giá tiến độ và báo cáo kết quả về Bộ Y tế, Sở Y tế theo yêu cầu đề tổng hợp.

- Ưu tiên đầu tư nguồn lực cho KSNK và phòng chống bệnh dịch, bảo đảm thực hiện đúng mục tiêu và tiến độ của Kế hoạch hành động về KSNK của đơn vị.

Trên đây là Kế hoạch hành động về KSNK trong các cơ sở KBCB trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2025 - 2030. Sở Y tế yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị căn cứ vào Kế hoạch để triển khai thực hiện, bảo đảm chất lượng và hiệu quả. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo về Sở Y tế (qua Phòng Nghiệp vụ Y) để được hướng dẫn. /

Nơi nhận:

- Cục QL KCB (để b/c);
- UBND tỉnh (để b/c);
- GD và các PGD;
- Các phòng chức năng Sở Y tế;
- TT KSBT tỉnh;
- Các cơ sở KCB trong tỉnh;
- Trang VPĐT;
- Lưu: VT, NVY.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Trúc Giang

PHỤ LỤC

Kế hoạch thực hiện kế hoạch hành động về kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở KBCB giai đoạn năm 2025-2030

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 108/KH-SYT, ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Sở Y tế)

Các hoạt động theo kế hoạch	Khung thời gian						Đơn vị chịu trách nhiệm		Chỉ số đánh giá	Kinh phí dự kiến
	2025	2026	2027	2028	2029	2030	Đầu mối	Phối hợp		
1. Tăng cường năng lực hệ thống quản lý và hoàn thiện chính sách về kiểm soát nhiễm khuẩn										
1.1. Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch về KSNK và định kỳ sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện	X		X			X	NVY	Các sở, ngành liên quan	- 2025: Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch KSNK - 2027: Sơ kết thực hiện Kế hoạch KSNK - 2030: Tổng kết thực hiện Kế hoạch KSNK - Hằng năm, tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện	
1.2. Xây dựng, ban hành Kế hoạch KSNK giai đoạn 2025-2030 và hằng năm tại SYT và các cơ sở KBCB cấp cơ bản và chuyên sâu; xác định rõ kinh	X						NVY, các cơ sở KBCB		- 2025: 100% đơn vị xây dựng, ban hành Kế hoạch hành động về KSNK của đơn vị. Kế hoạch xác định rõ kinh phí cho từng	Ngân sách địa phương

phí cho từng nội dung hoạt động, phân công cán bộ chịu trách nhiệm chỉ đạo và theo dõi; tổ chức triển khai thực hiện và báo cáo kết quả hằng năm									nội dung hoạt động, phân công cán bộ chịu trách nhiệm chỉ đạo và theo dõi; tổ chức triển khai thực hiện và báo cáo kết quả hằng năm	
1.3. Thành lập Hội đồng chuyên môn tư vấn công tác KSNK của SYT	X	X					NVY		- 2026: Hội đồng chuyên môn tư vấn công tác KSNK của SYT được thành lập	

Từ viết tắt: KBCB: Khám bệnh, chữa bệnh; KSNK: Kiểm soát nhiễm khuẩn; NB: Người bệnh; NKBV: Nhiễm khuẩn bệnh viện; NKVM: Nhiễm khuẩn vết mổ; NKH: Nhiễm khuẩn huyết; NKTN: Nhiễm khuẩn tiết niệu; NKP: Nhiễm khuẩn phổi; VST: Vệ sinh tay; SYT: Sở Y tế; VP: Văn phòng; NVY: Nghiệp vụ Y; NVD: Nghiệp vụ Dược; KH-TC: Kế hoạch – Tài chính

1.4. Bổ sung nhân lực và nâng cao năng lực của đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện, giám sát và hỗ trợ việc thực hiện các hoạt động KSNK tại các đơn vị trực thuộc SYT và cơ sở KBCB	X	X	X	X	X	X	VP	Các cơ sở KBCB	- 2025-2026: Sở Y tế thực hiện bổ sung nhân lực và nâng cao năng lực của đơn vị đầu mối chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện, giám sát KSNK - 2027: SYT có cán bộ chuyên trách KSNK được đào tạo KSNK. 2030: Ít nhất 90% cơ sở KBCB có hội đồng, mạng lưới, khoa/bộ phận KSNK hoạt động thường xuyên, hiệu quả; ít nhất 70% cơ sở KBCB có bộ phận giám sát KSNK có đủ nhân lực được đào tạo và hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Ngân sách địa phương
--	---	---	---	---	---	---	----	----------------	---	----------------------

Từ viết tắt: KBCB: Khám bệnh, chữa bệnh; KSNK: Kiểm soát nhiễm khuẩn; NB: Người bệnh; NKBV: Nhiễm khuẩn bệnh viện; NKVM: Nhiễm khuẩn vết mổ; NKH: Nhiễm khuẩn huyết; NKTN: Nhiễm khuẩn tiết niệu; NKP: Nhiễm khuẩn phổi; VST: Vệ sinh tay; SYT: Sở Y tế; VP: Văn phòng; NVY: Nghiệp vụ Y; NVD: Nghiệp vụ Dược; KH-TC: Kế hoạch – Tài chính

1.5. Thống nhất nội dung, cơ chế phối hợp liên ngành và tổ chức thực hiện các hoạt động KSNK trong các chương trình y tế quốc gia	X	X	X	X	X	X	NVY, NVD	Các sở, ngành liên quan, các cơ sở KBCB	- 2025-2030: Nội dung KSNK được đưa vào các chương trình y tế quốc gia và tổ chức thực hiện - 2030: Ít nhất 80% cơ sở KBCB quy định cụ thể, giao trách nhiệm rõ ràng và thực hiện hiệu quả về phối hợp đa ngành trong phòng chống kháng thuốc, sử dụng kháng sinh, phòng ngừa các bệnh truyền nhiễm gây dịch	Ngân sách địa phương
1.6. Cập nhật, chỉnh sửa Thông tư số 16/2018/TT BYT quy định về KSNK trong cơ sở KBCB và tổ chức triển khai thực hiện	X	X					NVY, VP	Các cơ sở KBCB	- 2025: Cập nhật về KSNK trong các cơ sở KBCB - 2026: Mở các lớp đào tạo, tập huấn	
1.7. Xây dựng, cập nhật, ban hành các quy định, quy trình KSNK trên cơ sở các quy định, các hướng dẫn quốc gia, có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các bộ phận liên quan và tổ chức triển khai thực hiện	X	X	X	X	X	X	Các cơ sở KBCB		2030: ít nhất 90% cơ sở KBCB ban hành, cập nhật hằng năm và triển khai hiệu quả các quy định, quy trình KSNK	Ngân sách địa phương

Từ viết tắt: KBCB: Khám bệnh, chữa bệnh; KSNK: Kiểm soát nhiễm khuẩn; NB: Người bệnh; NKBV: Nhiễm khuẩn bệnh viện; NKVM: Nhiễm khuẩn vết mổ; NKH: Nhiễm khuẩn huyết; NKTN: Nhiễm khuẩn tiết niệu; NKP: Nhiễm khuẩn phổi; VST: Vệ sinh tay; SYT: Sở Y tế; VP: Văn phòng; NVY: Nghiệp vụ Y; NVD: Nghiệp vụ Dược; KH-TC: Kế hoạch – Tài chính

1.8. Huy động nguồn lực cho công tác KSNK từ ngân sách đơn vị, từ các tổ chức quốc tế và đối tác công-tư	X	X	X	X	X	X	KHTC, các cơ sở KBCB		- Có sự hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế và đối tác công-tư - Ít nhất 90% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản được phê duyệt rõ kinh phí thường niên cho các hoạt động KSNK	
2. Đẩy mạnh đào tạo, nâng cao năng lực kiểm soát nhiễm khuẩn của nhân viên y tế										
2.1. Xây dựng chương trình, tài liệu và tổ chức đào tạo liên tục, đào tạo chuyên khoa về KSNK; Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học về NKBV và KSNK, làm bằng chứng để đề xuất cải thiện chất lượng KSNK và an toàn NB	X	X	X	X	X	X	NVY	Các cơ sở KBCB, các trường	- 2025-2030: Các tài liệu đào tạo KSNK, các đề tài NCKH về KSNK được công bố hoặc báo cáo tại các hội nghị, hội thảo - 2030: Đào tạo cấp văn bằng chuyên khoa KSNK	Ngân sách địa phương
2.2. Đào tạo đội ngũ nhân lực phụ trách công tác KSNK các cấp	X	X	X	X	X	X	VP, Các cơ sở KBCB		2030: Ít nhất 90% các vị trí chuyên trách KSNK và các thành viên hội đồng, mạng lưới KSNK tại các cơ sở KBCB được đào tạo về KSNK theo quy định	Ngân sách địa phương

Từ viết tắt: KBCB: Khám bệnh, chữa bệnh; KSNK: Kiểm soát nhiễm khuẩn; NB: Người bệnh; NKBV: Nhiễm khuẩn bệnh viện; NKVM: Nhiễm khuẩn vết mổ; NKH: Nhiễm khuẩn huyết; NKTN: Nhiễm khuẩn tiết niệu; NKP: Nhiễm khuẩn phổi; VST: Vệ sinh tay; SYT: Sở Y tế; VP: Văn phòng; NVY: Nghiệp vụ Y; NVD: Nghiệp vụ Dược; KH-TC: Kế hoạch – Tài chính

2.3. Tổ chức đào tạo thường niên cho NVYT về các quy định, quy trình KSNK, phòng ngừa vi khuẩn đa kháng thuốc và các bệnh truyền nhiễm gây dịch	X	X	X	X	X	X	Các cơ sở KBCB		2030: Ít nhất 95% NVYT tại các cơ sở KBCB được đào tạo liên tục hằng năm về các quy định, quy trình KSNK; 100% sinh viên thực tập tại cơ sở KBCB được đào tạo về KSNK trước khi thực tập	Ngân sách địa phương
3. Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức của NVYT và cộng đồng về KSNK										
3.1. Tổ chức các chiến dịch quốc gia và địa phương về KSNK, tập trung vào vệ sinh tay, sử dụng kháng sinh hợp lý và phòng ngừa NKBV	X	X	X	X	X	X	NVY, Các cơ sở KBCB	TTKSBT	- Ít nhất 01 chiến dịch truyền thông về KSNK hằng năm của Sở Y tế - Ít nhất 90% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cơ bản thực hiện truyền thông, giáo dục phòng ngừa KSNK trên mọi phương tiện; ít nhất 95% cơ sở phát động chiến dịch VST hằng năm	Ngân sách địa phương
3.2. Sử dụng đa dạng các kênh truyền thông để truyền bá, nâng cao nhận thức về KSNK	X	X	X	X	X	X	TTKSBT, các cơ sở KBCB		- 2025-2030: Thông tin về KSNK được cập nhật thường xuyên trên trang web của Sở Y tế, cơ sở KBCB - 2030: Ít nhất 80% trang web cơ sở KBCB có mục KSNK,	Ngân sách địa phương

Từ viết tắt: KBCB: Khám bệnh, chữa bệnh; KSNK: Kiểm soát nhiễm khuẩn; NB: Người bệnh; NKBV: Nhiễm khuẩn bệnh viện; NKVM: Nhiễm khuẩn vết mổ; NKH: Nhiễm khuẩn huyết; NKTN: Nhiễm khuẩn tiết niệu; NKP: Nhiễm khuẩn phổi; VST: Vệ sinh tay; SYT: Sở Y tế; VP: Văn phòng; NVY: Nghiệp vụ Y; NVD: Nghiệp vụ Dược; KH-TC: Kế hoạch – Tài chính

									với nội dung được cập nhật hằng quý, mỗi năm xây dựng ít nhất một poster mới	
3.3. Phổ biến các quy định, quy trình KSNK lên trang Web của cơ sở KBCB để tăng tiếp cận đến NVYT	X	X	X	X	X	X	NVY	Các cơ sở KBCB	Các quy định, quy trình KSNK được tải lên trang Web của các cơ sở KBCB	Ngân sách địa phương
3.4. Lồng ghép phổ biến kiến thức KSNK trong các buổi họp hội đồng NB. Khuyến khích NB và thân nhân NB tham gia vào giám sát thực hành KSNK	X	X	X	X	X	X	Các cơ sở KBCB		Các buổi họp hội đồng NB	Ngân sách địa phương
3.5. Xây dựng và phổ biến các posters về phòng ngừa và kiểm soát NKBV	X	X	X	X	X	X	Các cơ sở KBCB		Các posters về phòng ngừa và kiểm soát NKBV	Ngân sách địa phương
4. Tăng cường đầu tư và từng bước chuẩn hóa cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kiểm soát nhiễm khuẩn										
4.1. Hướng dẫn áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về KSNK để thực hiện xây dựng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị cho hoạt động KSNK	X	X	X	X	X	X	KHTC	Các cơ sở KBCB	- 2025-2030: Các cấp KBCB cơ bản và chuyên sâu áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về KSNK trong xây dựng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị cho hoạt động KSNK - Ít nhất 70% cơ sở KBCB cấp	

Từ viết tắt: KBCB: Khám bệnh, chữa bệnh; KSNK: Kiểm soát nhiễm khuẩn; NB: Người bệnh; NKBV: Nhiễm khuẩn bệnh viện; NKVM: Nhiễm khuẩn vết mổ; NKH: Nhiễm khuẩn huyết; NKTN: Nhiễm khuẩn tiết niệu; NKP: Nhiễm khuẩn phổi; VST: Vệ sinh tay; SYT: Sở Y tế; VP: Văn phòng; NVY: Nghiệp vụ Y; NVD: Nghiệp vụ Dược; KH-TC: Kế hoạch – Tài chính

									chuyên sâu và cấp cơ bản có hệ thống thông khí đạt chuẩn và định kỳ kiểm tra chất lượng thông khí	
4.2. Rà soát và nâng cấp hệ thống cung cấp nước sạch, nơi thu gom chất thải rắn tập trung và hệ thống xử lý nước thải y tế tại các cơ sở KBCB đạt chuẩn	X	X	X	X	X	X	Các cơ sở KBCB		2030: Cơ sở KBCB cấp cơ bản và chuyên sâu đạt ít nhất 90% có hệ thống cung cấp nước sạch, khu lưu giữ chất thải đạt chuẩn và 75% có hệ thống xử lý chất thải lỏng đạt chuẩn	Ngân sách địa phương
4.3. Rà soát và xây dựng các buồng cách ly bệnh truyền nhiễm gây dịch đạt chuẩn tại các khoa lâm sàng, các khu vực sàng lọc	X	X	X	X	X	X	Các cơ sở KBCB		2030: Ít nhất 80% cơ sở KBCB cơ bản và chuyên sâu có ít nhất 01 phòng cách ly tại mọi khoa lâm sàng đạt chuẩn, các khu vực sàng lọc đạt chuẩn	Ngân sách địa phương
4.4. Rà soát, cải tạo và đầu tư trang thiết bị cho trung tâm tiết khuẩn tại các cơ sở KBCB	X	X	X	X	X	X	Các cơ sở KBCB		2030: Ít nhất 70% cơ sở KBCB cơ bản và chuyên sâu có đơn vị tiết khuẩn tập trung đúng quy định	Ngân sách địa phương
4.5. Cung cấp các nguồn lực bổ sung cho các cấp KBCB cơ bản và chuyên sâu nơi tập trung nhóm nguy cơ cao	X	X	X	X	X	X	VP	Các cơ sở KBCB	Cơ sở KBCB cơ bản và chuyên sâu, nơi tập trung nhóm nguy cơ cao được bổ sung các nguồn lực	Ngân sách địa phương

Từ viết tắt: KBCB: Khám bệnh, chữa bệnh; KSNK: Kiểm soát nhiễm khuẩn; NB: Người bệnh; NKBV: Nhiễm khuẩn bệnh viện; NKVM: Nhiễm khuẩn vết mổ; NKH: Nhiễm khuẩn huyết; NKTN: Nhiễm khuẩn tiết niệu; NKP: Nhiễm khuẩn phổi; VST: Vệ sinh tay; SYT: Sở Y tế; VP: Văn phòng; NVY: Nghiệp vụ Y; NVD: Nghiệp vụ Dược; KH-TC: Kế hoạch – Tài chính

5.3. Thiết lập và triển khai giám sát chủ động, liên tục 4 loại NKBV thường gặp (NKVM, NKH, NKTN, NKP) tại các cơ sở KBCB và báo cáo dữ liệu NKBV	X	X	X	X	X	X	NVY, Các cơ sở KBCB		2030: Ít nhất 70% cơ sở KBCB thực hiện đầy đủ các nội dung giám sát tuân thủ thực hành phòng ngừa viêm phổi ở NB có thông khí hỗ trợ; NKH liên quan đến đường truyền tĩnh mạch trung tâm; NKTN liên quan đến ống thông tiểu, NKVM	Ngân sách địa phương
5.4. Thiết lập và triển khai giám sát, phòng ngừa các NKBV do các vi sinh vật đa kháng thuốc tại các cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản và báo cáo dữ liệu theo quy định	X	X	X	X	X	X	NVY, NVD	Các cơ sở KBCB	2030: Các cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản đạt ít nhất 90% thực hiện phòng ngừa và cách ly NB mắc vi khuẩn đa kháng và các bệnh truyền nhiễm gây dịch đúng quy định; đạt ít nhất 80% có đủ năng lực giám sát vi sinh vật kháng thuốc, có tổng kết và báo cáo hằng quý; đạt ít nhất 50% BV thực hiện đầy đủ các nội dung về ban hành các quy định, quy trình, huấn luyện đào tạo hằng năm, giám sát tuân thủ thực hành phòng ngừa vi khuẩn kháng thuốc	

Từ viết tắt: KBCB: Khám bệnh, chữa bệnh; KSNK: Kiểm soát nhiễm khuẩn; NB: Người bệnh; NKBV: Nhiễm khuẩn bệnh viện; NKVM: Nhiễm khuẩn vết mổ; NKH: Nhiễm khuẩn huyết; NKTN: Nhiễm khuẩn tiết niệu; NKP: Nhiễm khuẩn phổi; VST: Vệ sinh tay; SYT: Sở Y tế; VP: Văn phòng; NVY: Nghiệp vụ Y; NVD: Nghiệp vụ Dược; KH-TC: Kế hoạch – Tài chính

5.5. Thiết lập và triển khai giám sát, phòng ngừa các bệnh truyền nhiễm gây dịch tại các cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản, báo cáo dữ liệu theo quy định	X	X	X	X	X	X	Các cơ sở KBCB	NVY	2030: Các cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản đạt 100% xây dựng kế hoạch sẵn sàng đáp ứng với các bệnh dịch hàng năm, triển khai huấn luyện đào tạo và giám sát đúng quy định; ít nhất 90% triển khai sàng lọc, phân luồng, phát hiện và cách ly NB nhiễm hoặc nghi ngờ nhiễm các bệnh truyền nhiễm gây dịch hoặc bệnh gây dịch mới nổi, tái nổi theo đúng quy định	Ngân sách địa phương
5.6. Triển khai sử dụng kháng sinh dự phòng ở NB phẫu thuật tại các cơ sở KBCB và tổ chức giám sát, báo cáo dữ liệu theo quy định	X	X	X	X	X	X	NVY	Các cơ sở KBCB	- Báo cáo hàng năm về tình hình sử dụng kháng sinh dự phòng của Bộ Y tế 2030: Ít nhất 70% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản có phẫu thuật thực hiện giám sát và báo cáo dữ liệu tình hình sử dụng kháng sinh dự phòng ở NB có phẫu thuật	

Từ viết tắt: KBCB: Khám bệnh, chữa bệnh; KSNK: Kiểm soát nhiễm khuẩn; NB: Người bệnh; NKBV: Nhiễm khuẩn bệnh viện; NKVM: Nhiễm khuẩn vết mổ; NKH: Nhiễm khuẩn huyết; NKTN: Nhiễm khuẩn tiết niệu; NKP: Nhiễm khuẩn phổi; VST: Vệ sinh tay; SYT: Sở Y tế; VP: Văn phòng; NVY: Nghiệp vụ Y; NVD: Nghiệp vụ Dược; KH-TC: Kế hoạch – Tài chính

5.7. Xây dựng, triển khai các đề án: cải thiện chất lượng phòng ngừa chuẩn, VST, vệ sinh môi trường bề mặt, khử khuẩn tiết khuẩn dụng cụ tập trung, quản lý chất thải; cải thiện chất lượng phòng ngừa 4 loại NKBV thường gặp, NKBV do vi khuẩn đa kháng thuốc	X	X	X	X	X	X	Các cơ sở KBCB		Đạt ít nhất 80% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản triển khai ít nhất một hoạt động cải tiến chất lượng về KSNK hằng năm	Ngân sách địa phương
5.8. Thực hiện đánh giá chất lượng KSNK hằng năm tại các cơ sở KBCB	X	X	X	X	X	X	Các cơ sở KBCB		Đạt ít nhất 90% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản, trên 70% cơ sở KBCB cấp ban đầu tổ chức thực hiện đánh giá chất lượng KSNK hằng năm	
5.9. Phân tích, báo cáo dữ liệu giám sát hằng năm và đưa ra các biện pháp cải tiến kịp thời	X	X	X	X	X	X	Các cơ sở KBCB		2030: Đạt ít nhất 80% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu thực hiện giám sát, sử dụng dữ liệu giám sát để phân tích xu hướng nhiễm khuẩn và đưa ra các biện pháp cải tiến chất lượng KSNK kịp thời	
6. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực KSNK										

Từ viết tắt: KBCB: Khám bệnh, chữa bệnh; KSNK: Kiểm soát nhiễm khuẩn; NB: Người bệnh; NKBV: Nhiễm khuẩn bệnh viện; NKVM: Nhiễm khuẩn vết mổ; NKH: Nhiễm khuẩn huyết; NKTN: Nhiễm khuẩn tiết niệu; NKP: Nhiễm khuẩn phổi; VST: Vệ sinh tay; SYT: Sở Y tế; VP: Văn phòng; NVY: Nghiệp vụ Y; NVD: Nghiệp vụ Dược; KH-TC: Kế hoạch – Tài chính

6.1. Xây dựng cơ chế hỗ trợ, khuyến khích nghiên cứu khoa học về KSNK		X					KHTC		2026: Ban hành cơ chế hỗ trợ về NCKH trong công tác KSNK	
6.2. Xây dựng và triển khai các biện pháp thu hút nguồn vốn cho nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực KSNK	X	X	X	X	X	X		SYT Các đơn vị	2030: Kinh phí cho nghiên cứu khoa học về KSNK được xác định	
6.3. Triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học về KSNK và NKBV tại các cơ sở KBCB cấp cơ bản và chuyên sâu, trong đó có nghiên cứu khoa học về chi phí cho KSNK làm cơ sở tính giá dịch vụ KBCB	X	X	X	X	X	X		SYT, Các cơ sở KBCB	2030 : - Đạt ít nhất 05 đề tài nghiên cứu về KSNK cấp Sở - Đạt ít nhất 50% cơ sở KBCB thực hiện tối thiểu 01 đề tài nghiên cứu về KSNK hằng năm. - Có nghiên cứu khoa học về chi phí KSNK làm cơ sở tính toán giá dịch vụ KBCB góp phần thuyết minh cho Sở Tài chính. - Có hợp tác chính thức với CDC, các tổ chức khác để triển khai thực hiện các chương trình, dự án liên quan đến đào tạo, nghiên cứu khoa học - Đạt ít nhất 80% cơ sở KBCB	Ngân sách địa phương

Từ viết tắt: KBCB: Khám bệnh, chữa bệnh; KSNK: Kiểm soát nhiễm khuẩn; NB: Người bệnh; NKBV: Nhiễm khuẩn bệnh viện; NKVM: Nhiễm khuẩn vết mổ; NKH: Nhiễm khuẩn huyết; NKTN: Nhiễm khuẩn tiết niệu; NKP: Nhiễm khuẩn phổi; VST: Vệ sinh tay; SYT: Sở Y tế; VP: Văn phòng; NVY: Nghiệp vụ Y; NVD: Nghiệp vụ Dược; KH-TC: Kế hoạch – Tài chính

									ứng dụng công nghệ tiên tiến trong giám sát và phòng ngừa nhiễm khuẩn	
6.4. Tổ chức các hội nghị thường niên, hội thảo khoa học chuyên đề KSNK cấp khu vực, toàn quốc và cơ sở	X	X	X	X	X	X	SYT, các cơ sở KBCB		Các hội nghị, hội thảo về KSNK quốc tế, toàn quốc và tại các cơ sở KBCB	Ngân sách địa phương
6.5. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và cảm biến thông minh trong giám sát KSNK và dự đoán xu hướng NKBV	X	X	X	X	X	X	Các cơ sở KBCB		2025-2030: trên 80% cơ sở ứng dụng công nghệ tiên tiến trong giám sát và phòng ngừa NKBV	Ngân sách địa phương
6.6. Áp dụng hệ thống khử trùng tự động và các công nghệ hiện đại trong phòng mổ và khu cách ly	X	X	X	X	X	X	Các cơ sở KBCB		Các cơ sở KBCB áp dụng hệ thống khử trùng tự động và các công nghệ hiện đại trong phòng mổ và khu cách ly	Ngân sách địa phương

Từ viết tắt: KBCB: Khám bệnh, chữa bệnh; KSNK: Kiểm soát nhiễm khuẩn; NB: Người bệnh; NKBV: Nhiễm khuẩn bệnh viện; NKVM: Nhiễm khuẩn vết mổ; NKH: Nhiễm khuẩn huyết; NKTN: Nhiễm khuẩn tiết niệu; NKP: Nhiễm khuẩn phổi; VST: Vệ sinh tay; SYT: Sở Y tế; VP: Văn phòng; NVY: Nghiệp vụ Y; NVD: Nghiệp vụ Dược; KH-TC: Kế hoạch – Tài chính

Số: /QĐ-BYT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH**Phê duyệt “Kế hoạch hành động quốc gia về kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh giai đoạn 2025-2030”****BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ**

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 15/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 16/2018/TT-BYT ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Bộ Y tế quy định về kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 17/2019/TT-BYT ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn giám sát và đáp ứng với bệnh, bệnh dịch truyền nhiễm;

Căn cứ Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh.

QUYẾT ĐỊNH:

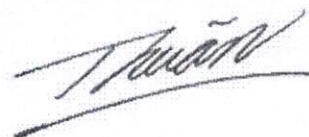
Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này “Kế hoạch hành động quốc gia về kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh giai đoạn 2025-2030”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

Điều 3. Các Ông, Bà: Chánh Văn phòng Bộ; Chánh Thanh tra Bộ; Vụ trưởng, Cục trưởng các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế; Giám đốc các Bệnh viện, Viện trực thuộc Bộ Y tế; Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thủ trưởng Y tế Ngành chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Công thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Website Cục KCB;
- Lưu: VT, KCB.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG****Trần Văn Thuấn**

PHIẾU GIẢI QUYẾT VĂN BẢN ĐẾN

Số:.....108/KH-8YT..... ngày,.....03 tháng 6..... năm 2025.....

1. Ý kiến của lãnh đạo cơ quan, tổ chức

- Giao đơn vị, cá nhân chủ trì;.....1.....1.....
- Giao các đơn vị, cá nhân tham gia phối hợp giải quyết văn bản đến (nếu có);
- Thời hạn giải quyết đối với mỗi đơn vị, cá nhân (nếu có);
- Ngày,.....5..... tháng 6..... năm 2025..... cho ý kiến phản phối, giải quyết.....

2. Ý kiến của lãnh đạo Khoa, Phòng

- Giao cho cá nhân; thời hạn giải quyết đối với cá nhân (nếu có);

Trần Thị Thu Liệt

- Ngày,..... tháng,..... năm..... cho ý kiến.....

3. Ý kiến đề xuất của người giải quyết.

- Ý kiến đề xuất giải quyết văn bản đến của cá nhân;

- Ngày,..... tháng,..... năm..... đề xuất ý kiến.....